

  
 Trần Quốc Thắng

**DANH MỤC HÀNG HÓA GỬI RA CÔNG TRÌNH BIỂN**  
**СПИСОК ГРУЗОВ ДЛЯ ОТПРАВКИ НА МОРСКИЕ ОБЪЕКТЫ (№ 400/2020)**

Tàu dịch vụ / ТБС: TanCang-89

Bắt đầu xếp hàng / Начало погрузки: 14:00 19/10/2020

Thời gian tàu rời bến / Отход в море: 22:00 19/10/2020(VER.1)

P/P	Tên công trình biển Наименов. Объектов	Hàng hóa được gửi Отправленный груз		SL đặt hàng Кол-во заявлени.		Cho dự án Lô Для Блока	Đơn vị gửi Заказчик
		№	Tên vật tư, hàng hóa Наименование груза	Kiện Место	Tấn тонн		
1	ТамДао-02	1	Chemical in 6FT containers (1.80x1.80)m	20 КОНТ	55.0 т	04-3	M-I
		2	<b><u>Chemical in HH container (3.00x3.00)m</u></b>	24 КОНТ	100.0 т	-/-	-/-
		3	Slimpulse kit box c/w equipment (Well: TU-12) (3.10x1.15)m	1 КОНТ	1.5 т	-/-	Schlumberger
		4	Container (Well: TU-12) (5.20x2.70)m	1 КОНТ	7.0 т	-/-	-/-
		5	<b><u>Bundle (Well: TU-12) (9.40x0.40)m</u></b>	1 пак	3.5 т	-/-	-/-
		6	<b><u>Bundle (Well: TU-12) (9.40x0.40)m</u></b>	1 пак	3.5 т	-/-	-/-
		7	Steel basket (Well: TU-12) (11.00x1.20)m	1 КОНТ	3.0 т	-/-	-/-
		8	Steel Box (Well: TU-12) (3.25x0.60)m	1 КОНТ	0.5 т	-/-	-/-
		9	Steel Box (Well: TU-12) (1.70x0.60)m	1 ШТ	0.5 т	-/-	-/-
		10	Steel Box (Well: TU-12) (1.70x0.60)m	1 ШТ	0.5 т	-/-	-/-
		11	Зип dv6 (1.80x1.80)m	1 КОНТ	2.5 т	-/-	ПБиКРС
		12	<b><u>труба 89мм (6.00x1.00)m</u></b>	1 ШТ	1.5 т	-/-	-/-
		13	Зип 6ft (1.80x1.80)m	1 КОНТ	2.5 т	-/-	-/-
2	BK-TNG	1	Container XL-03 (2.20x2.00)m	1 КОНТ	2.0 т	04-3	ПСОРОНГД
		2	<b><u>XL-03, Bó giáo (3.00x0.50)m</u></b>	1 пак	1.0 т	-/-	-/-
		3	XL-03, Rọ khí (1.80x0.80)m	1 кас	1.0 т	-/-	-/-
		4	x1-06 - A-01 thùng hàng (1.80x1.80)m	1 КОНТ	3.0 т	-/-	-/-
		5	x1-08 - C-05 thùng nguồn - <b><u>HÀNG ĐỘC HẠI!</u></b> (1.00x0.70)m	1 КОНТ	0.8 т	-/-	-/-
<b>Tổng cộng - Всего:</b>				<b>57</b>	<b>189.3 т</b>		

Chuyên viên TTĐĐSX / Гл.специалист ЦПДС: 